TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện Krông Năng
Tỉnh Đăk Lăk

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/10/2019
"*V/v: Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cảnh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam và ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C – sinh năm 1962. Có mặt.

Nơi ĐKNKTT: thôn 13, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện trú tại: tổ liên gia 5, tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T – sinh năm 1960. Vắng mặt.

Nơi ĐKNKTT: thôn 13, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện trú tại: tổ liên gia 5, tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà Phạm Thị C trình bày: Tôi với ông Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/1982. Trong thời gian chung sống bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng cao. Tôi đã cố gắng xây dựng, vun vén, chịu đựng nhưng càng chịu đựng thì chồng ngày càng phá. Cuộc sống đã bế tắc, hạnh phúc hôn nhân không có nên tôi viết đơn này mong Tòa án giải quyết để tôi được ly hôn.

Về con chung gồm có: Nguyễn Tài Đ – sinh năm 1983, Nguyễn Tài T – sinh năm 1986, Nguyễn Thị Q – sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Thu T – sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành, có công việc ổn định nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung không có và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt, gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn là ông Nguyễn Xuân T nhưng ông Thủy đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 08/4/2019, Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị C về yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T. Ông Nguyễn Xuân T cư trú tại tổ liên gia 5, tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[2]. Quan hệ pháp luật: Việc khởi kiện của bà Phạm Thị C được xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Xuân T mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục hợp lệ là tống đạt, gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án.

[4.1]. Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Xuân T yêu nhau tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 1982. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên hai người không có hạnh phúc.

Qua xác minh tại Chi hội Phụ nữ tổ dân phố 3 – thị trấn K thì thấy hai người có mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T hay vắng nhà, lâu lâu có về và mỗi lần về thì thường uống rượu, quậy phá, chửi bới vợ con.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị C với ông Nguyễn Xuân T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn và mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét nguyện vọng của bà C là mong muốn được ly hôn với ông T là có căn cứ nên cần chấp nhận để bà Phạm Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

[4.2]. Về con chung: Các con chung gồm có Nguyễn Tài Đ – sinh năm 1983, Nguyễn Tài T – sinh năm 1986, Nguyễn Thị Q – sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Thu T – sinh năm 1995 đều đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để giải quyết.

[4.3]. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0010659 ngày 11/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trần Cảnh Toàn